

Future Perfect Continuous



The Future Perfect Continuous tense looks at the past from the future.

How do we make the Future Perfect Continuous Tense?

The structure of the Future Perfect Continuous tense is:

subject	+	auxiliary <i>will</i>	+	auxiliary <i>have</i>	+	auxiliary <i>be</i>	+	main verb
		invariable		invariable		past participle		present participle
		will		have		been		base + ing

For negative sentences in the Future Perfect Continuous tense, we insert **not** between **will** and **have**. For question sentences, we exchange the **subject** and **will**. Look at these example sentences with the Future Perfect Continuous:

	subject	auxiliary verb		auxiliary verb	auxiliary verb	main verb	
+	I	will		have	been	working	for four hours.

	subject	auxiliary verb		auxiliary verb	auxiliary verb	main verb	
+	You	will		have	been	travelling	for two days.
-	She	will	not	have	been	using	the car.
-	We	will	not	have	been	waiting	long.
?	Will	you		have	been	playing	football?
?	Will	they		have	been	watching	TV?

We sometimes use **shall** instead of **will**, especially for I and we.

Contraction with Future Perfect Continuous

In speaking with the Future Perfect Continuous tense, we often contract the **subject** and **WILL**:

- I'll have been driving for five hours.
- She'll have been watching TV.

In negative sentences, we may contract with **won't**, like this:

- You won't have been drinking, will you?
- We won't have been driving for long.

How do we use the Future Perfect Continuous Tense?

The Future Perfect Continuous tense is like the [Future Perfect](#) tense, but it expresses longer actions or states extending up to some specific event or time in the **future**. For example:

- Ram starts waiting at 9am. I am late and cannot arrive before 10am.
Ram **will have been waiting** for an hour by the time I meet him.

Notice that the long action or state can start at any time in the *past*, *present* or *future*, but of course it always ends in the *future*.

Look at these examples:

- He'll be tired when he gets here. He'll **have been travelling** all day.
- How long **will** Jo **have been working** when he retires?
- Next month I'll **have been studying** Chinese for two years.
- **Will** you **have been working** when I arrive?
- He **won't have been studying** long enough to qualify.
- Next week Jane is going to swim from England to France. By the time she gets to France she'll **have been swimming** non-stop for over thirteen hours.

Note that **continuous** tenses are also called **progressive** tenses. So the Future Perfect Continuous tense is sometimes called the Future Perfect Progressive tense.

Tương lai hoàn thành tiếp diễn



Thì Tương lai Hoàn thành Tiếp diễn nhìn vào quá khứ từ tương lai.

Làm thế nào để chúng ta tạo ra thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn?

Cấu trúc của thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn là:

môn học	+	ý chí phụ	+	phụ trợ có	+	phụ trợ	+	động từ chính
		bất biến		bất biến		quá khứ phân từ		phân từ hiện tại
		sẽ		có		đã		cơ sở + ing

Đối với các câu phủ định ở thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn, chúng ta chèn **not** vào giữa **will** và **have** . Đối với câu nghi vấn, chúng ta hoán đổi **chủ ngữ** và **will** . Nhìn vào những câu ví dụ này với Tương lai hoàn thành tiếp diễn:

	môn học	trợ động từ		trợ động từ	trợ động từ	động từ chính	
+	Tôi	sẽ		có	đã	đang làm việc	trong bốn giờ.

	môn học	trợ động từ		trợ động từ	trợ động từ	động từ chính	
+	Bạn	sẽ		có	đã	đi du lịch	trong hai ngày.
-	Cô ấy	sẽ	không phải	có	đã	sử dụng	xe ô tô.
-	chúng tôi	sẽ	không phải	có	đã	đang chờ đợi	Dài.
?	Sẽ	bạn		có	đã	đang chơi	bóng đá?
?	Sẽ	họ		có	đã	xem	TV?

Đôi khi chúng ta sử dụng **shall** thay cho **will** , đặc biệt là với I và we.

Rút gọn với Tương lai hoàn thành tiếp diễn

Khi nói chuyện với thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn, chúng ta thường rút gọn **chủ ngữ** và **WILL** :

- Tôi sẽ lái xe trong năm giờ.
- Cô ấy sẽ được xem TV.

Trong câu phủ định, chúng ta có thể rút gọn với **won't**

- Bạn sẽ không uống rượu, phải không?
- Chúng tôi sẽ không lái xe lâu đâu.

Làm thế nào để chúng ta sử dụng thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn?

Thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn giống như thì [Tương lai hoàn](#) thành , nhưng nó diễn tả các hành động hoặc trạng thái dài hơn kéo dài đến một số sự kiện hoặc thời gian cụ thể trong **tương lai** . Ví dụ:

- Ram bắt đầu đợi lúc 9 giờ sáng. Tôi đến muộn và không thể đến trước 10 giờ sáng. Ram **sẽ đợi** một giờ trước khi tôi gặp anh ấy.

Lưu ý rằng hành động hoặc trạng thái kéo dài có thể bắt đầu bất cứ lúc nào trong *quá khứ* , *hiện tại* hoặc *tương lai* , nhưng tất nhiên nó luôn kết thúc trong *tương lai* .

Hãy xem những ví dụ này:

- Anh ấy sẽ mệt mỏi khi đến đây. Anh ấy **sẽ đi du lịch** cả ngày.
- Jo **sẽ làm việc được** bao lâu khi anh ấy nghỉ hưu?
- Tháng tới tôi **sẽ học** tiếng Trung được hai năm.
- Bạn **sẽ làm việc** khi tôi đến chứ?
- Anh ấy **sẽ không học** đủ lâu để đủ tiêu chuẩn.
- Tuần tới Jane sẽ bơi từ Anh sang Pháp. Vào thời điểm cô ấy đến Pháp, cô ấy **đã bơi** không ngừng nghỉ trong hơn mười ba giờ.

Lưu ý rằng các thì **tiếp** diễn còn được gọi là các thì **tiếp diễn** . Vì vậy, thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn đôi khi được gọi là thì Tương lai hoàn thành tiếp diễn.